

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 07/2018/HSST
Ngày 20 tháng 4 năm 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Chơn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Đoàn Thị Kiều Oanh**

2. Ông **Bùi Minh Cảnh**

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghị - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự thụ lý số 04/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2018, đối với bị cáo:

- Nguyễn Chế L (tên gọi khác: K), sinh ngày 05/02/1997, tại huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú: Ấp L, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968 (còn sống) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1970 (còn sống); bị cáo chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị cáo chưa bị Tòa án nào xét xử hình sự hay vi phạm pháp luật gì để bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/01/2018 đến nay (Có mặt).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962.

(Bà H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp L, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Ché L, là cháu ruột ở chung nhà với cô ruột bà Nguyễn Thị H, cùng trú ấp L, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Khoảng 07 giờ ngày 10/01/2018, L thức dậy đi vệ sinh cá nhân thì phát hiện tủ quần áo bà H để bên ngoài hiên nhà (do nhà đang xây dựng) không khóa cửa nên L đi đến mở cửa tủ phát hiện 01 cái ví (loại nữ) màu đỏ, L mở ví thấy bên trong có tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ. Lúc này, L nảy sinh ý định lấy trộm tiền để tiêu xài cá nhân nên L lục ví lên lúc lấy trộm của bà H số tiền 17.000.000đ (loại tiền mệnh giá 500.000đ). Sau khi lấy trộm tiền, L để vào túi quần rồi đi bộ khoảng 200m đến nhà của ông Nguyễn Văn N (cậu ruột L), thuộc ấp L, xã H, huyện A, để cất giấu số tiền lấy trộm dưới lưới màn bên hiên nhà, rồi sau đó L đi về nhà của mình nhằm tránh bị phát hiện. Đến khoảng 09 giờ ngày 11/01/2018, L đi đến chỗ cất giấu tiền do lấy trộm mà có, L lấy 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đ sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết. Sau khi sự việc xảy ra, bà H trình báo đến Công an xã Hưng Yên và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Biên. Đến ngày 11/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Biên tiến hành mời L làm việc thì L thừa nhận toàn bộ hành vi của mình.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Biên thu giữ và đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thị H số tiền 16.500.000đ. Bị cáo cùng với gia đình đã thỏa thuận và bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị H số tiền 500.000đ, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKS-HS ngày 14/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Ché L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ché L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự tuyên xử bị cáo Nguyễn Ché L từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú theo dõi, giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, sống phụ thuộc vào gia đình, chưa có thu nhập ổn định nên đề nghị xét miễn việc khấu trừ thu nhập.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị H đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất, không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

Bị cáo Nguyễn Ché L nói lời sau cùng: Bị cáo thể hiện sự ăn năn hối hận, biết mình vi phạm pháp luật và đã hối hận xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo L đã khai nhận: Vào khoảng 07 giờ ngày 10/01/2018, bị cáo L thức dậy đi vệ sinh cá nhân thì phát hiện tủ quần áo bà H để bên ngoài hiên nhà không khóa cửa, lợi dụng lúc không có người quan sát nên bị cáo L đi đến mở cửa tủ phát hiện 01 cái ví màu đỏ, trong ví có tiền nên bị cáo L nảy sinh ý định lấy trộm tiền để tiêu xài cá nhân, bị cáo L lấy trộm của bà H số tiền 17.000.000đ (loại tiền mệnh giá 500.000đ). Sau khi lấy trộm tiền, bị cáo đến nhà của ông Nguyễn Văn N (cậu ruột L) thuộc ấp L, để cất giấu. Đến khoảng 09 giờ ngày 11/01/2018, bị cáo đi đến chỗ cất giấu tiền lấy 01 tờ tiền mệnh giá 500.000đ sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân hết. Cho nên hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, truy tố bị cáo Nguyễn Chè L quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội.

[3] Xét về tính chất và mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo tuy là ít nghiêm trọng nhưng nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, bị cáo là người có đầy đủ năng lực ý thức được việc xâm phạm tài sản hợp pháp của người khác là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì lười lao động chân chính, muốn có tiền nhanh chóng để chi xài cá nhân mà bị cáo đã bất chấp mọi hậu quả pháp lý. Hành vi của bị cáo đã cố ý trực tiếp không những gây thiệt hại cho chủ sở hữu tài sản mà còn làm mất an ninh trật tự xã hội và gây hoang mang tư tưởng của người dân, nên cần xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả bị cáo gây ra để bị cáo được cải tạo, giáo dục trở thành người công tốt, có ích cho xã hội, đồng thời cũng nhằm phòng ngừa chung cho những người khác có ý định tương tự bị cáo.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo L sau khi phạm tội bị cáo đã thật thà, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi sai trái của mình; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có nơi

cư trú rõ ràng; cha bị cáo là bộ đội xuất ngũ; bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và có đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo ở mức án cải tạo không giam giữ cũng đủ răn đe, giáo dục và tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo đã gây ra.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị áp dụng hình phạt từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, phù hợp với nhân thân và tình tiết giảm nhẹ của bị cáo nên được chấp nhận như đã phân tích trên.

Xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, chưa có việc làm ổn định, hiện còn sống phụ thuộc gia đình nên cho bị cáo miễn việc khấu trừ thu nhập.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị H đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Chế L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Chế L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Chế L** 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian chấp hành hình phạt được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Chế L do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, chưa có việc làm ổn định, hiện còn sống phụ thuộc gia đình nên cho bị cáo miễn việc khấu trừ thu nhập.

2. Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 125 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015. Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 03/LCĐKNCT ngày 13/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị H đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Chế L phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí

hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- THA Dân sự, Hình sự ;
- NTG; CA huyện An Biên;
- Người TGTT;
- UBND xã Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Chon